

Bản án số: 106/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 09 – 6 – 2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Linh Duy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Rạt;

2. Ông Nguyễn Văn Ghên;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1235/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Kim L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: khu vực 3, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

**- Bị đơn:** Anh Huỳnh Văn D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện Đ, tỉnh L.

(Chị L có mặt, anh D vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2019, nguyên đơn chị Võ Thị Kim L trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn D cưới nhau vào năm 2006, đến ngày 08/3/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh D không tôn trọng chị và có lời lẽ xúc phạm nhân phẩm và danh dự chị, không quan tâm lo lắng cho chị và con, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống nên chị đã ly thân với anh D từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về tình cảm: Chị Võ Thị Kim L yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn D.

Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Thanh P, sinh ngày 23/12/2012 (bệnh câm, điếc bẩm sinh), hiện con đang sống với anh D. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh D nuôi, Chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn D trình bày trong bản tự khai ngày 05/6/2020 như sau: Anh D thống nhất điều kiện kết hôn, con chung, tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn như Chị L trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh D cho rằng giữa anh D và Chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh D và Chị L đã ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Nay Chị L xin ly hôn, anh D cũng đồng ý.

Về con chung: Thống nhất có một con chung tên Huỳnh Thanh P, sinh ngày 23/12/2012 (bệnh câm, điếc bẩm sinh), hiện con đang sống với anh D. Khi ly hôn, anh D xin tiếp tục nuôi con và yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Võ Thị Kim L không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến trình bày.

Bị đơn anh Huỳnh Văn D không có đơn phản tố và xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ, không bổ sung gì thêm.

Anh Huỳnh Văn D có đơn đề nghị xử vắng mặt nên Tòa án quyết định xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Chị Võ Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn D, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về tố tụng:* Bị đơn anh Huỳnh Văn D có đơn đề nghị xử vắng mặt nên Tòa án quyết định xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 08/3/2001 nên hôn nhân giữa Chị L và anh D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của Chị L đối với anh D: Chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh D hay xúc phạm chị L, không quan tâm lo lắng cho chị và con, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Xét lời trình bày của chị L về nguyên nhân mâu thuẫn được anh D thừa nhận. Tại phiên tòa Chị L vẫn cương quyết ly hôn, anh D có ý kiến trình bày đồng ý ly hôn và xin vắng mặt. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa Chị L và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng nên Chị L yêu cầu xin ly hôn với anh D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Chị Võ Thị Kim L và anh Huỳnh Văn D thống nhất có một con chung tên Huỳnh Thanh P, sinh ngày 23/12/2012 (bệnh cảm, điếc bẩm sinh), hiện con đang sống với anh D. Khi ly hôn, Chị L đồng ý giao con chung cho anh D nuôi dưỡng, được anh D đồng ý nên Hội đồng xét xử thấy cần để anh D nuôi con chung Huỳnh Thanh P là phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét tại ý kiến trình bày của anh D ngày 05/6/2020, anh D đề nghị Chị L cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật. Tại phiên tòa, Chị L đồng ý cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Thanh P mỗi tháng 800.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với các Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.4]. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Kim L và anh Huỳnh Văn D tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5]. Về nợ chung: Chị Võ Thị Kim L và anh Huỳnh Văn D xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc nguyên đơn chị Võ Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị Kim L với anh Huỳnh Văn D.

Chị Võ Thị Kim L được ly hôn với anh Huỳnh Văn D.

2. Về con chung: anh Huỳnh Văn D được quyền nuôi con chung tên Huỳnh Thanh P, sinh ngày 23/12/2012, hiện con đang sống với anh D.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Kim L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Thanh P mỗi tháng 800.000đồng (tám trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/7/2020 cho đến khi con Huỳnh Thanh P đủ 18 tuổi.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Kim L và anh Huỳnh Văn D tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về nợ chung: Chị Võ Thị Kim L và anh Huỳnh Văn D không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí:

Chị Võ Thị Kim L phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà Chị L đã nộp theo biên lai số 0004109 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Chị L đã nộp xong.

Buộc chị Võ Thị Kim L phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước, Chị L chưa nộp.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

**Hội thẩm nhân dân**

**Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Rạt – Nguyễn Văn Ghên**

**Nguyễn Khắc Linh Duy**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Mỹ (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Khắc Linh Duy**

